

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 4 – 2025
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Lệ U, sinh năm 2000, địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đoàn Văn T, thuộc Công ty L, địa chỉ: Số C Khu Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 20/7/2024 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Lệ U đã kết hôn từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, cho đến nay đã được gần 06 năm. Hai vợ chồng sinh sống ổn định tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc

Giang, đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải và bản thân hai vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn, nhưng nhận thấy hiện tại cả hai không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 10/2020 đến nay, vợ ông đã bỏ đi khỏi nhà chồng tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, không có bất cứ liên lạc nào với ông hoặc về thăm, chăm sóc cho hai con. Do vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Lệ U.

- Về con chung: Ông và bà U có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A sinh ngày 05/09/2017 và cháu Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 26/08/2020. Từ khi bà U bỏ đi, không có liên lạc với hai con, không chăm sóc hay cấp dưỡng cho con, ông là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom cháu. Do vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết cho ông được là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung, đề nghị bà U thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Trần Thị Lệ U trình bày (theo Đơn kiến nghị ngày 05/01/2025):*

Năm 2016, bà cùng các chị bà ra Bắc Giang đi làm thì gặp anh Nguyễn Ngọc H. Anh H làm nghề sửa xe ô tô, có qua lại chỗ bà chơi, dụ dỗ bà, sau nhiều lần qua lại bà đã nghe lời ngon ngọt của anh và có mang thai; đến ngày 05/09/2017, bà xin về quê sinh cháu Nguyễn Ngọc A. Sau khi bà sinh cháu Ngọc A thì đưa cháu về gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C (cha, mẹ anh H) sinh sống, đến tháng 11 năm 2018, vợ chồng mới được đăng ký kết hôn. Ngày 26/08/2020, bà sinh con thứ 2 là cháu Nguyễn Tuấn A1, trong thời gian sinh sống cùng nhau, anh H đã nhiều lần đánh bà, cả bố và mẹ anh H đều biết và bố mẹ anh H cũng đã nói anh rất nhiều, nhưng anh vẫn không thay đổi.

Đến ngày 28/04/2022, bà quyết định gửi con cho ông, bà nội của hai cháu (là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc H) chăm sóc hai cháu cho bà đi làm, hàng tháng bà vẫn điện về hỏi thăm ông bà và hai cháu, bà có gửi phụ thêm ít tiền cho ông, bà mua sữa cho hai cháu. Đến tháng 8 năm 2022, anh H dẫn người đàn bà khác về nhà, nhưng ông bà nội của hai con bà không đồng ý, và đã đuổi đi; đến tháng 8/2023, anh H có lên thuê nhà của bà cô B1 ở Trại C, T, anh H tự nguyện đem hai đứa con của bà đi, mà không nói với ông, bà nội.

Đến tháng 5/2024, bố chồng bà là ông Nguyễn Văn B đưa hai cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Tuấn A1 về, để ông, bà chăm và cho cháu đi học đến nay, thỉnh thoảng bà về thăm con và gửi tiền mua đồ ăn cho con bà, còn anh H thì

chưa đưa được cho bố, mẹ anh đồng nào để phụ nuôi hai cháu, toàn bộ tiền học của hai cháu, là của bà từ đó đến nay.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông H, bà không đồng ý ly hôn.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do như sau:*

Thứ nhất: Về quan hệ hôn nhân

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Lệ U đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 26/07/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, chỉ sau khoảng hai năm chung sống, đến tháng 08 năm 2020 giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Từ tháng 10/2020 đến nay, bà U đã bỏ đi khỏi nhà chồng, tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, không có bất cứ liên lạc nào với chồng hoặc về thăm, chăm sóc cho hai con chung. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải và bản thân hai vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn, nhưng đều không mang lại kết quả.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, có thể thấy: Cuộc sống hôn nhân đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Thứ hai: Về con chung

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Lệ U có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A sinh ngày 05/09/2017 và cháu Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 26/08/2020. Từ thời điểm bà U rời đi (tháng 10/2020), mọi trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đều do ông H cùng ông, bà nội đảm nhiệm. Bà U không có bất kỳ đóng góp nào cả về vật chất lẫn tinh thần đối với hai cháu, trong suốt thời gian dài vừa qua.

Hiện tại, hai cháu đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã T, huyện Y và đã ổn định về môi trường sống, có sự gắn bó chặt chẽ với người cha ông H. Việc tiếp tục để các cháu được sống cùng cha là cần thiết để đảm bảo sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, không gây xáo trộn hay tổn thương tâm lý.

Hơn nữa, ông H có công việc ổn định (là Nhân viên kinh doanh đang làm việc tại Công ty TNHH N) với thu nhập ổn định khoảng 17.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện về tài chính, thời gian và tinh thần để trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con. Hơn nữa, cả hai cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng cha.

Trong khi đó, bà U không có công việc ổn định, thu nhập bấp bênh và không đảm bảo thời gian cũng như điều kiện kinh tế để chăm sóc cho con một cách đầy đủ, không đảm bảo được điều kiện sống phù hợp cho con.

Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét các điều kiện vật chất và tinh thần, cũng như đảm bảo sự phát triển, học tập của các cháu để giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Ngọc A và Tuấn A1 cho ông H, đồng thời buộc bà U thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì những lý do nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tuyên bố chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Ngọc H ly hôn với bà Trần Thị Lệ U;

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Tuấn A1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bà U thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai cháu theo quy định pháp luật.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Lệ U nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/7/2018, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà U có

nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ năm 2022; đến thời điểm này, cả ông H và bà U cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà U. Ý kiến của bà U về việc không đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà U có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 05/09/2017 và cháu Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 26/08/2020, hiện đang sống chung với ông H và vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C (ông, bà nội của hai cháu).

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, hai cháu Ngọc A và Tuấn A1 đều có nguyện vọng sống với cha, 02 người con chung này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tranh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao hai cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/09/2017 và Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 26/08/2020, cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho bà U, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Ngọc A và Tuấn A1, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 3.450.000 đồng (mỗi người con cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 25/4/2025, cho đến khi các người con chung tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; Buộc bà U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn, theo như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H

1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị Lệ U.

2) Về con chung: Giao cho ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/09/2017 và Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 26/08/2020, đến đủ 18 tuổi; Bà U được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục các người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu hai cháu Ngọc A và Tuấn A1, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 3.450.000 đồng (mỗi người con cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2025), cho đến khi 02 cháu Ngọc A và Tuấn A1 tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009510, ngày 25/12/2024, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí. Buộc bà U phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng